

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-32
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-32

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) theo Quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 09 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Ủy viên	
Bà Đặng Thị Thường	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2011
Ông Phạm Đức Chính	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2011
Ông Phạm Khắc Tập	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hoàng Khánh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đặng Thị Thường	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/02/2011
Ông Phạm Đức Chính	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/04/2011

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Hiếu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06/04/2011
Bà Nghiêm Thị Bốn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 06/04/2011
Ông Hà Hồng Ninh	Thành viên	
Ông Hà Quang Nhân	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đặng Thị Thường

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Số: /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biễn

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		163.573.875.338	145.009.130.577
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.325.577.837	17.361.132.318
111	1. Tiền		5.325.577.837	15.361.132.318
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	2.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.302.770.612	9.943.737.079
121	1. Đầu tư ngắn hạn		11.302.770.612	9.943.737.079
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.474.332.820	20.815.592.075
131	1. Phải thu của khách hàng		6.493.353.847	3.239.752.531
132	2. Trả trước cho người bán		3.414.258.650	5.641.098.500
135	5. Các khoản phải thu khác	5	11.566.720.323	11.934.741.044
140	IV. Hàng tồn kho	6	103.390.700.729	80.176.767.421
141	1. Hàng tồn kho		103.390.700.729	80.176.767.421
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.080.493.340	16.711.901.684
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		137.395.193	133.954.094
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.611.465.150	9.057.504.516
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	8.331.632.997	7.520.443.074
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		154.026.588.590	130.779.491.847
220	II. Tài sản cố định		55.776.414.409	46.933.591.685
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	47.261.157.079	13.998.313.985
222	- Nguyên giá		59.929.576.033	23.606.491.291
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.668.418.954)	(9.608.177.306)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	513.886.963	806.533.591
228	- Nguyên giá		2.856.471.000	2.856.471.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.342.584.037)	(2.049.937.409)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	8.001.370.367	32.128.744.109
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	95.818.894.296	81.446.474.584
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		77.527.688.166	63.155.268.454
258	3. Đầu tư dài hạn khác		22.759.000.000	22.759.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.467.793.870)	(4.467.793.870)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.431.279.885	2.399.425.578
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.358.715.185	1.086.048.838
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.072.564.700	1.313.376.740
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		317.600.463.928	275.788.622.424

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		125.790.234.194	89.006.222.864
310	I. Nợ ngắn hạn		90.389.695.740	50.298.894.608
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	34.954.678.600	-
312	2. Phải trả người bán		12.824.490.139	10.753.814.384
313	3. Người mua trả tiền trước		9.617.254.277	7.112.197.344
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.691.277.517	1.766.895.311
315	5. Phải trả người lao động		2.873.452.337	3.888.385.319
316	6. Chi phí phải trả		599.877.388	296.040.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	23.163.934.000	22.768.724.288
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		217.539.806	2.030.465.942
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.447.191.676	1.682.372.020
330	II. Nợ dài hạn		35.400.538.454	38.707.328.256
333	3. Phải trả dài hạn khác		26.539.209.726	35.387.728.396
334	4. Vay và nợ dài hạn	16	3.431.685.493	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		68.061.815	58.800.000
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		5.361.581.420	3.260.799.860
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		191.810.229.734	186.782.399.560
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	191.630.009.586	186.517.668.352
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		131.034.260.000	109.198.890.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.682.000)	(1.682.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		37.957.790	432.368.648
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		30.499.276.936	25.757.864.412
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		12.003.232.375	8.842.290.692
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.056.964.485	42.287.936.600
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		180.220.148	264.731.208
432	1. Nguồn kinh phí		(19.840.000)	180.000
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		200.060.148	264.551.208
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		317.600.463.928	275.788.622.424

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		5.942,14	35.497,23
- Đồng Nhân dân tệ (CNY)		-	641,66
- Đồng Yên nhật (JPY)		1.553.392,00	7.200.313,00

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thường
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	72.358.467.475	136.808.548.693
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	1.465.476.836	39.234.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	70.892.990.639	136.769.314.693
11	4. Giá vốn hàng bán	21	45.731.587.377	93.940.963.898
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.161.403.262	42.828.350.795
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	3.496.918.924	12.345.446.819
22	7. Chi phí tài chính	23	868.011.484	4.503.465.178
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		868.011.484	158.902.489
24	8. Chi phí bán hàng		592.272.726	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	15.466.371.790	15.960.472.683
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		11.731.666.186	34.709.859.753
31	11. Thu nhập khác	25	2.086.765.303	964.671.583
32	12. Chi phí khác		168.593.753	9.053.915
40	13. Lợi nhuận khác		1.918.171.550	955.617.668
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.649.837.736	35.665.477.421
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	3.441.624.399	8.934.369.355
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>10.208.213.337</u>	<u>26.731.108.066</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	779	2.448

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởngĐặng Thị Thường
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2011**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.649.837.736	35.665.477.421
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		3.490.279.972	2.187.494.819
03	Các khoản dự phòng		-	3.021.182.822
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.060.974.673)	(9.800.077.819)
06	Chi phí lãi vay		868.011.484	158.902.489
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.947.154.519	31.232.979.732
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		5.976.108.698	(24.740.598.966)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(23.213.933.308)	(63.357.719.861)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.311.275.472)	(39.963.373.460)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(276.107.446)	(667.726.570)
13	Tiền lãi vay đã trả		(868.011.484)	(158.902.489)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.794.638.585)	(6.064.041.137)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.029.379.181	17.469.708.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.742.306.585)	(26.831.537.135)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(20.253.630.482)	(113.081.211.886)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.272.202.610)	(19.501.342.770)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(18.003.461.800)	(5.250.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		16.644.428.267	143.669.698.800
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(14.372.419.712)	(16.400.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.010.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.797.409.973	11.040.077.819
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(18.206.245.882)	114.568.433.849
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		69.667.924.043	75.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(31.281.559.950)	(75.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		38.386.364.093	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(73.512.271)	1.487.221.963
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		17.361.132.318	15.441.541.887
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		37.957.790	432.368.468
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	17.325.577.837	17.361.132.318

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thường
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) theo Quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 09 năm 2011 .

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 131.034.260.000 VND. Tương đương 13.103.426 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập	Hoạt động kinh doanh chính
- Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	Quản lý Dự án
- Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ - Kinh tế Simco Sông Đà	Thành phố Hà Nội	Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng, dạy nghề
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà	Thành phố Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh nhà, hạ tầng, vật tư, máy móc thiết bị
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Trung tâm du lịch	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ du lịch

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Tỉnh Gia Lai	Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện, xây dựng, tư vấn thiết kế
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Thành phố Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại rượu
- Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà	Tỉnh Hòa Bình	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Thành phố Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh phần mềm, tư vấn, thiết kế trong lĩnh vực CNTT
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco - Fansipan	Tỉnh Yên Bái	Khai thác và sản xuất sản phẩm từ đá
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Tỉnh Hòa Bình	Sản xuất giấy, các sản phẩm từ giấy
- Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Tỉnh Lào Cai	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Tập đoàn Sông Đà);
- Dịch vụ tư vấn du học;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành nghề kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm);
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động;
- Mua bán và vận chuyển than;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động chứng khoán, nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động của các tổ chức tín dụng, kinh doanh bảo hiểm);

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, Dịch vụ quảng cáo bất động sản, Dịch vụ quản lý bất động sản, Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ định giá bất động sản
- Thiết kế sản xuất thời trang đồ nội ngoại thất (không bao gồm thiết kế nội ngoại thất công trình);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Kinh doanh sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi, kho ngoại quan, các hoạt động dịch vụ vận tải và hoạt động logistics;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dạy nghề;
- Đào tạo cao đẳng;
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ;

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Đối với hoạt động xây lắp, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng hoàn thành kỳ} + \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}$$

Giá vốn ghi nhận trong kỳ được xác định như sau:

$$\text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ} = \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ}$$

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	08	năm
- Phần mềm, Website	03	năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” thì các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 37.957.790 đồng sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011.

Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng (hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành / hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng).

Doanh thu kinh doanh bất động sản và hạ tầng khu đô thị

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.152.576.050	2.590.969.328
Tiền gửi ngân hàng	4.173.001.787	12.770.162.990
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	2.000.000.000
	17.325.577.837	17.361.132.318

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cho Tập đoàn Sông Đà vay	-	1.352.865.900
Cho Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển vay	3.830.075.196	3.936.287.436
Cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa vay	7.418.572.416	4.000.000.000
Cho Công ty TNHH Simco Sông Đà vay	54.123.000	500.000.000
Ủy thác quản lý vốn bằng tiền - Công ty Tài chính CP Sông Đà	-	154.583.743
	11.302.770.612	9.943.737.079

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	6.945.929	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	1.614.822	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	877.958	-
Phải thu về lãi tiền đầu tư, lãi tiền cho vay, lãi ủy thác quản lý vốn	-	1.736.435.300
Phải thu về tiền gốc cho vay	1.000.000.000	-
Phải thu tiền ứng mua quyền khai thác mỏ	8.500.000.000	8.500.000.000
Phải thu tiền ứng thực hiện dự án tại Myanmar	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải thu khác	557.281.614	198.305.744
	<u>11.566.720.323</u>	<u>11.934.741.044</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	117.448.432	966.765.674
Công cụ, dụng cụ	59.447.301	58.618.115
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	103.213.804.996	67.177.699.181
Thành phẩm	-	17.539.559
Hàng hoá	-	11.808.336.766
Hàng gửi đi bán	-	147.808.126
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>103.390.700.729</u>	<u>80.176.767.421</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	8.331.632.997	7.520.443.074
	<u>8.331.632.997</u>	<u>7.520.443.074</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Lợi thế doanh nghiệp	Phần mềm máy tính; website	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.726.811.000	129.660.000	2.856.471.000
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.726.811.000	129.660.000	2.856.471.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.965.576.265	84.361.144	2.049.937.409
Số tăng trong năm	272.681.100	19.965.528	292.646.628
- Trích khấu hao	272.681.100	19.965.528	292.646.628
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.238.257.365	104.326.672	2.342.584.037
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	761.234.735	45.298.856	806.533.591
Số dư cuối năm	488.553.635	25.333.328	513.886.963

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	7.976.765.658	32.002.592.114
- Dự án đầu tư quỹ đất 15% tại tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	431.781.685	-
- Dự án tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	-	26.526.312.472
- Dự án Khu Công nghiệp Phụng Hiệp, Thường Tín	2.294.077.961	2.282.239.506
- Dự án khai thác cát trắng	44.913.091	-
- Dự án mở rộng thị trường Canada	950.863.962	859.908.962
- Dự án khai thác mỏ Myanma	3.430.872.305	2.320.235.720
- Dự án Logistics Kim Thành Lào Cai	700.000.000	13.895.454
- Dự án mỏ Thạch Cao tại Savanakhet	124.256.654	-
Mua sắm tài sản cố định	-	101.547.286
- Máy móc thiết bị Trường Dạy nghề Simco Sông Đà	-	101.547.286
Sửa chữa lớn tài sản cố định	24.604.709	24.604.709
- Cải tạo nhà để xe Trường Dạy nghề Simco Sông Đà	24.604.709	24.604.709
	8.001.370.367	32.128.744.109

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	77.527.688.166	63.155.268.454
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	27.620.000.000	22.000.000.000
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	23.970.000.000	23.970.000.000
- Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	890.844.307	890.844.307
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	2.900.000.000	2.900.000.000
- Công ty CP Khoáng sản Simco - Fansipan	16.000.000.000	12.244.424.147
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	1.150.000.000	1.150.000.000
- Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	4.996.843.859	-
Đầu tư dài hạn khác	22.759.000.000	22.759.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(4.467.793.870)	(4.467.793.870)
	95.818.894.296	81.446.474.584

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp cam kết	Tỷ lệ thực góp (2)	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị khoản đầu tư tại 31/12/2011
Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	29,20%	33,36%	31,40%	27.620.000.000
- <i>Vốn góp của Công ty</i>	<i>27,48%</i>	<i>31,40%</i>		<i>26.000.000.000</i>
- <i>Vốn nhận ủy thác ⁽¹⁾</i>	<i>1,72%</i>	<i>1,96%</i>		<i>1.620.000.000</i>
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	42,80%	42,80%	32,53%	23.970.000.000
- <i>Vốn góp của Công ty</i>	<i>32,53%</i>	<i>32,53%</i>		<i>18.220.000.000</i>
- <i>Vốn nhận ủy thác ⁽¹⁾</i>	<i>10,27%</i>	<i>10,27%</i>		<i>5.750.000.000</i>
Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	20,97%	20,97%	20,97%	890.844.307
Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	35,00%	35,83%	35,83%	2.900.000.000
Công ty CP Khoáng sản Simco - Fansipan ⁽³⁾	45,00%	59,59%	59,59%	16.000.000.000
Công ty TNHH Simco Sông Đà	38,33%	38,33%	38,33%	1.150.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	40,00%	44,48%	44,48%	4.996.843.859

(1) Đây là các khoản nhận ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên Công ty theo các hợp đồng ủy thác đầu tư. Theo đó, Công ty được ủy thác để góp vốn và thực hiện các quyền, nghĩa vụ liên quan với tư cách là cổ đông của bên nhận góp vốn.

(2) Tỷ lệ vốn thực góp được xác định trên cơ sở số vốn đã góp của Công ty trên tổng số vốn đã góp của các bên được ghi nhận trên Báo cáo tài chính của công ty tiếp nhận đầu tư.

(3) Số liệu góp vốn trên chưa tính đến số tiền chi phí đầu tư khai thác mỏ với số tiền 8.500.000.000 đồng chưa đủ điều kiện ghi nhận là vốn góp đang được Công ty ghi nhận là khoản phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Góp vốn thành lập công ty	7.759.000.000	7.759.000.000
- Công ty CP Sắt Thạch Khê	759.000.000	759.000.000
- Công ty CP Cao su Phú Riềng - Kratie	3.300.000.000	3.300.000.000
- Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn	2.100.000.000	2.100.000.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	1.100.000.000	1.100.000.000
- Công ty CP ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu chuyển đổi Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	15.000.000.000
- Vốn của Công ty	-	12.505.000.000
- Vốn nhận ủy thác	-	2.495.000.000
Cổ phiếu Công ty Tài Chính Cổ phần Sông Đà	15.000.000.000	-
- Vốn của Công ty	13.005.000.000	-
- Vốn nhận ủy thác	1.995.000.000	-
	22.759.000.000	22.759.000.000

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.208.004.235	1.086.048.838
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	150.710.950	-
	1.358.715.185	1.086.048.838

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	30.427.745.600	-
- Vay ngân hàng	5.563.745.600	-
- Vay cá nhân	24.864.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.526.933.000	-
	34.954.678.600	-

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung ⁽¹⁾	5.563.745.600	-
Vay cá nhân ⁽²⁾	24.864.000.000	-
	30.427.745.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2011	-
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung ⁽³⁾	4.526.933.000	-
	4.526.933.000	-

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả

(1) Hợp đồng tín dụng số 0803/2011/HĐTD ngày 08/03/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 8,0 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: vay vốn lưu động thực hiện thi công Giai đoạn 1 công trình Đường bao phía tây, kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị hai bên đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh;
- + Thời hạn vay: 6 tháng kể từ thời điểm giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 18,5%/năm; lãi suất tại thời điểm 31/12/2011 là 19%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2011 là 2.076.504.400 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 2605/HĐTD ngày 26/05/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 6 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011;
- + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ 4%/năm, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 20,5%/năm, lãi suất tại thời điểm 31/12/2011 là 19%/năm
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2011 là 3.487.241.200 đồng.

(2) Huy động vốn vay của các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động do thỏa thuận giữa bên vay và bên đi vay, thời hạn vay 6 tháng đến 12 tháng.

(3) Hợp đồng tín dụng số 2604/2011/HĐTD ngày 26/04/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 18,0 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: đầu tư xây dựng công trình Nhà văn phòng dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội;
- + Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu; thời hạn trả gốc được chia làm 8 kỳ, mỗi kỳ thanh toán 2.250.000.000 VND. Kỳ đầu tiên thanh toán vào ngày 05/11/2011, kỳ cuối cùng kết thúc vào ngày 26/04/2015
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 20%/năm; lãi gốc tại thời điểm 31/12/2012 là 21,5%
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- + Số dư nợ gốc đến hạn trả trong năm 2012 là 4.526.933.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	312.945.455
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.637.379.805	1.272.909.716
Thuế Thu nhập cá nhân	53.897.712	181.040.140
	3.691.277.517	1.766.895.311

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	432.764.725	212.436.137
Bảo hiểm xã hội	252.662.509	55.849.112
Bảo hiểm y tế	51.525.324	10.406.076
Bảo hiểm thất nghiệp	53.124.996	5.428.966
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	873.244.695	873.244.695
Phải trả tiền nhân công thuê ngoài phục vụ thi công	3.038.209.565	2.574.377.000
Phải trả tiền vốn nhận ủy thác đầu tư của CBCNV	9.365.000.000	9.865.000.000
Phải trả tiền lãi nhận ủy thác đầu tư của CBCNV	4.850.600	297.864.000
Các khoản phải trả của hoạt động xuất khẩu lao động	6.049.808.164	6.583.996.164
Phải trả tiền thu người mua nhà Dự án Vạn Phúc	1.296.930.000	1.288.630.000
Phải trả, phải nộp khác	1.745.813.422	1.001.492.138
	23.163.934.000	22.768.724.288

16 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	3.431.685.493	-
- Vay cá nhân ⁽¹⁾	3.431.685.493	-
	3.431.685.493	-

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng nhận tiền gửi có kỳ hạn với các cá nhân ký hợp đồng xuất khẩu lao động, thời hạn vay 36 tháng lãi suất tiền gửi theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn của Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	131.034.260.000	109.198.890.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>109.198.890.000</i>	<i>90.999.890.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>21.835.370.000</i>	<i>18.199.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>131.034.260.000</i>	<i>109.198.890.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	21.835.370.000	18.199.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>21.835.370.000</i>	<i>18.199.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.103.426	10.919.889
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.103.426	10.919.889
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.103.426</i>	<i>10.919.889</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>168</i>	<i>168</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.258	10.919.721
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.103.258</i>	<i>10.919.721</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.499.276.936	25.757.864.412
Quỹ dự phòng tài chính	12.003.232.375	8.842.290.692
	42.502.509.311	34.600.155.104

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo	19.543.221.171	25.597.587.543
Doanh thu kinh doanh bất động sản và hạ tầng khu đô thị	15.454.545.455	37.531.421.998
Doanh thu hợp đồng xây dựng	15.787.373.368	55.383.583.545
Doanh thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và doanh thu khác	21.573.327.481	18.295.955.607
	72.358.467.475	136.808.548.693

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Hàng bán trả lại dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo	681.736.073	39.234.000
Giảm giá hợp đồng xây dựng	147.377.127	-
Giảm giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và doanh thu khác	636.363.636	-
	1.465.476.836	39.234.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

20 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo	18.861.485.098	25.558.353.543
Doanh thu kinh doanh bất động sản và hạ tầng khu đô thị	15.454.545.455	37.531.421.998
Doanh thu hợp đồng xây dựng	15.639.996.241	55.383.583.545
Doanh thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và doanh thu khác	20.936.963.845	18.295.955.607
	70.892.990.639	136.769.314.693

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo	11.605.480.939	8.477.593.923
Giá vốn bất động sản, hạ tầng, hợp đồng xây dựng	13.516.226.815	67.998.311.951
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn khác	20.609.879.623	17.465.058.024
	45.731.587.377	93.940.963.898

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ủy thác quản lý vốn, lãi chậm trả	3.036.658.606	11.040.077.819
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	24.316.067	1.207.761.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	435.944.251	1.552.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	96.056.000
	3.496.918.924	12.345.446.819

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	868.011.484	158.902.489
Lỗ hoạt động chuyển nhượng vốn đầu tư	-	1.240.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	81.461.378
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	3.021.182.822
Chi phí tài chính khác	-	1.918.489
	868.011.484	4.503.465.178

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	840.084.649	803.784.136
Chi phí nhân công	9.234.480.119	9.162.512.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.074.707.620	903.767.060
Thuế, phí, lệ phí	378.919.000	40.328.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.474.938.125	1.818.991.075
Chi phí khác bằng tiền	2.463.242.277	3.231.089.483
	15.466.371.790	15.960.472.683

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập từ hoàn nhập bảo hành công trình	2.011.863.215	-
Thu nhập khác	74.902.088	964.671.583
	2.086.765.303	964.671.583

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.649.837.736	35.665.477.421
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	116.659.859	72.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý)	116.659.859	72.000.000
Tổng lợi nhuận chịu thuế	13.766.497.595	35.737.477.421
Tổng lợi nhuận tính thuế	13.766.497.595	35.737.477.421
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	3.441.624.399	8.934.369.355
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.272.909.716	(1.597.418.502)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	717.484.275	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.794.638.585)	(6.064.041.137)

Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm

3.637.379.805	1.272.909.716
----------------------	----------------------

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	10.208.213.337	26.731.108.066
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.208.213.337	26.731.108.066
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.103.258	10.919.721
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	779	2.448

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Góp vốn vào công ty, đầu tư cổ phiếu			
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	Công ty liên kết	5.620.000.000	4.400.000.000
- Công ty CP Khoáng sản Simco - Fansipan	Công ty liên kết	3.755.575.853	12.244.424.147
- Công ty CP Logistics Kim Thành	Công ty liên kết	4.996.843.859	-
- Công ty CP Tài chính Sông Đà	(*)	15.000.000.000	-
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	55.018.182	2.656.370.445
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	744.626.582	-
- Công ty CP Sông Đà 25	(*)	163.158.603	-
- Công ty CP Sông Đà 5	(*)	-	1.076.946.004
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ	-	516.660.500
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	2.868.079.308	-
- Công ty Rượu Việt Nam - Thụy điển	Công ty liên kết	15.025.079	-
- Công ty CP Xi măng Sông Đà	(*)	-	13.094.494.977
Lãi ủy thác quản lý vốn			
- Công ty CP Tài chính Sông Đà	(*)	36.263.602	11.361.179
Lãi cho vay vốn, lãi chậm thanh toán			
- Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ	31.797.074	7.513.349.581
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Công ty liên kết	100.014.200	61.305.200
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	Công ty liên kết	2.521.213.928	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	152.500.000	754.254.483
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	1.999.649.143	1.976.354.222
- Công ty CP Sông Đà 25	(*)	179.474.463	-
- Công ty CP Sông Đà 27	(*)	1.400.000.000	800.000.000
Phải thu vốn và lãi cho vay			
- Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ	-	1.352.865.900
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	3.830.075.196	3.936.287.436
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Công ty liên kết	54.123.000	500.000.000
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	Công ty liên kết	7.418.572.416	4.000.000.000
Phải thu vốn ủy thác			
- Công ty CP Tài chính Sông Đà	(*)	4.000.000.000	154.583.743
Phải trả tiền hàng			
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	1.094.431.062	1.145.500.701
- Công ty CP Xi măng Sông Đà	(*)	-	45.000.000
- Công ty CP Sông Đà 27	(*)	1.111.711.100	1.111.711.100

(*) Đơn vị thành viên Tập đoàn Sông Đà.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lê Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thường

Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	16.635.510.494	2.792.647.799	3.082.884.683	1.095.448.315	-	23.606.491.291
Số tăng trong năm	34.850.449.617	409.931.909	776.963.636	125.248.818	305.826.000	36.468.419.980
- Mua sắm mới	-	409.931.909	776.963.636	125.248.818	-	1.312.144.363
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34.850.449.617	-	-	-	305.826.000	35.156.275.617
Số giảm trong năm	-	-	(15.457.727)	(129.877.511)	-	(145.335.238)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.457.727)	(129.877.511)	-	(145.335.238)
Số dư cuối năm	51.485.960.111	3.202.579.708	3.844.390.592	1.090.819.622	305.826.000	59.929.576.033
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	5.090.043.323	1.413.012.739	2.025.200.786	1.079.920.458	-	9.608.177.306
Số tăng trong năm	2.250.844.797	494.952.125	401.194.652	47.456.082	3.185.688	3.197.633.344
- Trích khấu hao	2.250.844.797	494.952.125	401.194.652	47.456.082	3.185.688	3.197.633.344
Số giảm trong năm	-	-	(7.514.184)	(129.877.512)	-	(137.391.696)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.514.184)	(129.877.512)	-	(137.391.696)
Số dư cuối năm	7.340.888.120	1.907.964.864	2.418.881.254	997.499.028	3.185.688	12.668.418.954
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	11.545.467.171	1.379.635.060	1.057.683.897	15.527.857	-	13.998.313.985
Số dư cuối năm	44.145.071.991	1.294.614.844	1.425.509.338	93.320.594	302.640.312	47.261.157.079

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	90.999.890.000	(1.682.000)	(101.897.617)	14.665.377.519	5.817.066.994	52.281.340.125	163.660.095.021
Tăng vốn trong năm trước	18.199.000.000	-	-	-	-	-	18.199.000.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	26.731.108.066	26.731.108.066
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	11.092.486.893	3.025.223.698	(18.517.710.591)	(4.400.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(18.199.000.000)	(18.199.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	101.897.617	-	-	-	101.897.617
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	432.368.648	-	-	-	432.368.648
Giảm khác	-	-	-	-	-	(7.801.000)	(7.801.000)
Số dư cuối năm trước	109.198.890.000	(1.682.000)	432.368.648	25.757.864.412	8.842.290.692	42.287.936.600	186.517.668.352
Tăng vốn trong năm ⁽¹⁾	21.835.370.000	-	-	-	-	-	21.835.370.000
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	10.208.213.337	10.208.213.337
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.741.412.524	3.160.941.683	(11.786.120.939)	(3.883.766.732)
Chi trả cổ tức năm trước ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	(21.835.370.000)	(21.835.370.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(432.368.648)	-	-	-	(432.368.648)
Tăng khác	-	-	-	-	-	6.002.000	6.002.000
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	37.957.790	-	-	-	37.957.790
Giảm khác ⁽²⁾	-	-	-	-	-	(823.696.513)	(823.696.513)
Số dư cuối năm nay	131.034.260.000	(1.682.000)	37.957.790	30.499.276.936	12.003.232.375	18.056.964.485	191.630.009.586

(1) Theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2011, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 20% vốn điều lệ, thời điểm phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức là tháng 08 năm 2011.

(2) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong kỳ bao gồm 717.484.275 đồng do Công ty điều chỉnh tăng số thuế phải nộp của các năm trước theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và Cơ quan thuế.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Tập đoàn Sông Đà	66.830.400.000	51,00%	55.692.000.000	51,00%
Vốn góp của cổ đông khác	64.203.860.000	49,00%	53.506.890.000	49,00%
	131.034.260.000	100,00%	109.198.890.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động	Kinh doanh nhà và hạ tầng, xây lắp	Kinh doanh thương mại, dịch vụ, khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	18.861.485.098	31.094.541.696	20.936.963.845	70.892.990.639	-	70.892.990.639
Chi phí trực tiếp	11.605.480.939	13.516.226.815	20.609.879.623	45.731.587.377	-	45.731.587.377
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	7.256.004.159	17.578.314.881	327.084.222	25.161.403.262	-	25.161.403.262
Tài sản bộ phận	69.511.694.275	143.512.190.750	361.009.632	213.384.894.657	-	213.384.894.657
Tài sản không phân bổ	-	-	-	104.215.569.271	-	104.215.569.271
Tổng tài sản				317.600.463.928	-	317.600.463.928
Nợ phải trả của các bộ phận	14.441.107.651	64.581.989.295	562.858.104	79.585.955.050	-	159.171.910.100
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	33.381.675.906	-	33.381.675.906
Tổng nợ phải trả				112.967.630.956	-	192.553.586.006

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.